PDF Eraser Free

HCP PUMP

POND-100A/150A

Ngày tháng / 日 期 : 01/07/2020
Đơn vị tính: 1.000 đồng

Bơm Gia Dụng POND POND型輕型家用泵浦			Ống Ra 上方出口組		Phao 附浮球加定價				Ghi chú 備 註
Model / 型式	Qui Cách / 規 格	Giá 1Pha 單相定價	Model / 型式	Giá 定 價	F: Phao F:浮球	FV:Phao đứng FV直立浮筒			
POND-100A	100W*1”	**1933**	15.20.25mm	Bao gồm / 內含	X	X			
POND-150A	150W*1”	**2160**	15.20.25. 32mm	Bao gồm / 內含	X	X			
POND-S250	250W*1.5”	**2750**	32.40mm 32mm	Bao gồm / 內含	X	X			
Ghi chú: Cấu tạo tự làm mát, motor có gắn tấm bảo vệ nhiệt độ, Seal, phốt cát, cấu tạo thiết kế chống nước, gọn nhẹ. 說明:全面水冷卻構造，內部裝置馬達保護器、機械軸封、油封，防水結構強化設計，輕巧實用。									
Bơm xả nước gia dụng thông thường. 一般家用排水。									

A-21

A-31

A Bơm nước thải sạch thông dụng A型泛用污水泵浦				Ống Co Mặt Bích 彎管法蘭組		Bộ Coupling 著脫組		Giá Phao 附浮球加定價		Ghi chú 備 註
Model /型 式	Qui Cách / 規 格	Giá 1 Pha 單相定價	Giá 3 Pha 三相定價	Model / 型式	Giá 定 價	Model / 型式	Giá 定 價	Phao 1 Pha 單相附浮球	Phao 3 Pha 三相附浮	
A-05L	0.5HP*2”	**4.160**	**4.160**	EF2-96	Bao gồm / 內含	T2-50	**2000**	**430**	X	
A-21	1HP*2”	**4.760**	**4.760**	EF2-96	Bao gồm / 內含	T2-50	**2000**	**430**	X	
A-31	1HP*3”	**5.050**	**5.050**	EF3-130	Bao gồm / 內含	X	X	**430**	X	
Ghi chú: Thân vỏ bằng chất liệu Inox, Motor khô hiệu suất cao tiết kiệm điện năng, kèm Rờ le, gọn nhẹ dễ sử dụng. 說明 ：框架不銹鋼材質，乾式馬達效率高省電，附保護器，輕巧使用方便。										
# 自2010年10月起，A-05B~A-31換裝Silicon軸封，價格另訂。										
A-05A~A-31 cánh bơm thiết kế kiểu Vortex, máy 3pha khi đảo pha lúc vận hành dòng điện lên cao, xin kiểm tra dòng điện và chỉnh đúng pha A-05A~A-31為VORTEX葉輪設計,三相反轉時電流偏高,請務必調整正確轉向										

F-05U/21U

F-21P

F-31U

F Bơm chìm nước thải rác F型泛用污物泵浦				Ống Co Mặt Bích 彎管法蘭組		Bộ Coupling 著脫組		Giá Phao 附浮球加定價		Ghi chú 備 註
Model / 型 式	Qui Cách / 規 格	Giá 1 Pha 單相定價	Giá 3 Pha 三相定價	Model / 型式	Giá 定 價	Model / 型式	Giá 定 價	Phao 1 Pha 單相附浮球	Phao 3 Pha 三相附浮球	
F-05U	0.5HP*2”	**4.160**	**4.160**	EF2-96	Bao gồm / 內含	T2-50	**2000**	**430**	X	
F-21U	1HP*2”	**4.300**	**4.300**	EF2-96	Bao gồm / 內含	T2-50	**2000**	**430**	X	
F-21P	1HP*2”	**5.000**	**5.000**	EF2-96	Bao gồm / 內含	T2-50	**2000**	**430**	X	
F-31U	1HP*3”	**5.000**	**5.000**	EF3-130	Bao gồm / 內含	X	X	**430**	X	
Ghi chú: Thân vỏ bằng chất liệu Inox, motor khô hiệu suất cao tiết kiệm điện năng, kèm rờ le, máy gọn nhẹ dễ sử dụng. F-21P khi sử dụng coupling, máy bơm không gắn chân dế.說明:框架不銹鋼材質，乾式馬達效率高省電，附保護器，輕巧使用方便。F-21P使用著脫組時，泵浦不裝腳架。										
(F-05A là motor dầu, seal đơn, 1pha có gắn tấm bảo vệ nhiệt độ motor, 3pha không rờ le) (F-05A為油式馬達，單軸封，單相有溫度保護片，三相無。) 全系列Silicon軸封AC馬達保護器.										
F-05A~F-05U.21U.31U.32U.32TU.33U cánh bơm thiết kế kiểu Vortex, 3pha khi đảo pha dòng điện lên cao, xin kiểm tra dòng điện và chỉnh đúng pha. F-05A~F-05U.21U.31U.32U.32TU.33U為VORTEX葉輪設計,三相反轉時電流偏高,請務必調整正確轉向										

AN-21/21.5

AN-22/23

AN-32/33

AN-35/43

AN Bơm nước thải sạch thông dụng AN型 泛用污水泵浦				Ống Co Mặt Bích 彎管法蘭組		Bộ Coupling 著脫組		Giá Phao 附浮球加定價		Ghi chú 備 註
Model / 型 式	Qui Cách / 規 格	Giá 1 Pha 單相定價	Giá 3 Pha 三相定價	Model / 型式	Giá 定 價	Model / 型式	Giá 定 價	Phao 1 Pha 單相附浮球	Phao 3 Pha 三相附浮球	
AN-21.5	1½HP*2”	**5380**	**4980**	EF2-96	Bao gồm / 內含	T2-50	**2300**	**430**	X	
AN-22	2HP*2”	**9370**	**8486**	EF2-96	Bao gồm / 內含	T50E-E5	**4860**	**860**	X	
AN-23	3HP*2”	**10890**	**9963**	EF2-96	Bao gồm / 內含	T50E-E5	**4860**	**860**	X	
AN-32	2HP*3”	**9300**	**8250**	EB3-130	**650**	T2-80	**3200**	**860**	X	**EB2-130 Giá: 990**
AN-33	3HP*3”	**10050**	**8930**	EB3-130	**650**	T2-80	**3200**	**860**	X	**EB2-130 Giá: 990**
AN-43	3HP*4”	**10050**	**8930**	EB4-175(145)A	**1650**	T100(80)BH	**6200**	**860**	X	
AN-35	5HP*3”	**X**	**10800**	EB3-150A	**1300**	T80DH	**5800**	X	X	

Ghi chú: thân vỏ bằng chất liệu Inox, motor khô hiệu suất cao tiết kiệm điện năng, kèm Rờ le, gọn nhẹ dễ sử dụng. Thiết kế cánh bơm hiệu suất cao dòng mới N.

新式泛用污水泵浦，輕量化設計，全系列Silicon軸封與AC馬達保護器.

dòng sản phẩm máy bơm nước thải sạch thông dụng mô hình mới, thiết kế trọng lượng nhẹ, toàn bộ phốt và động cơ bảo vệ AC làm bằng Silicon

FN-22U

FN-32/33/35U

FN-32/33/35P

FN Bơm chìm nước thải rác FN型 泛用污物泵浦				Ống Co Mặt Bích 彎管法蘭組		Bộ Coupling 著脫組		Giá Phao 附浮球加定價		Ghi chú 備 註
Model / 型 式	Qui Cách / 規 格	Giá 1 Pha 單相定價	Giá 3 Pha 三相定價	Model / 型式	Giá 定 價	Model / 型式	Giá 定 價	Phao 1 Pha 單相附浮球	Phao 3 Pha 三相附浮球	
FN-22U	2HP*2”	**9.000**	**8.100**	EF2-96	內含 bao gồm	T-50E	**4320**	**860**	X	
FN-32U	2HP*3”	**9.000**	**8.100**	EB3-130	**650**	T2-80	**3200**	**860**	X	**EB2-130 Giá: 990**
FN-33U	3HP*3”	**9.700**	**8.800**	EB3-130	**650**	T2-80	**3200**	**860**	X	**EB2-130 Giá: 990**
FN-35U	5HP*3”	**X**	**10.400**	EB3-150A	**1300**	T80DH	**5800**	X	X	
FN-32P	2HP*3”	**9.370**	**8.490**	EB3-130	**650**	T2-80	**3200**	**860**	X	**EB2-130 Giá: 990**
FN-33P	3HP*3”	**10.120**	**9220**	EB3-130	**650**	T2-80	**3200**	**860**	X	**EB2-130 Giá: 990**
FN-35P	5HP*3”	**X**	**10800**	EB3-150A	**1300**	T80DH	**5800**	X	X	

說明:框架不銹鋼材質，乾式馬達效率高省電，附保護器，輕巧使用方便。N新一代高效率葉輪設計

Ghi chú: thân vỏ bằng chất liệu Inox, motor khô hiệu suất cao tiết kiệm điện năng, kèm Rờ le, gọn nhẹ dễ sử dụng. Thiết kế cánh bơm hiệu suất cao dòng mới N.

新式泛用污物泵浦，輕量化設計，全系列Silicon軸封與AC馬達保護器。

dòng sản phẩm máy bơm nước thải sạch thông rác mô hình mới, thiết kế trọng lượng nhẹ, toàn bộ phốt và động cơ bảo vệ AC làm bằng Silicon

FN-22U~FN-32U為VORTEX葉輪設計,三相反轉時電流偏高,請務必調整正確轉向。

FN-22U~FN-32U với thiết kế cánh bơm VORTEX, khi dòng điện cao áp ba pha chạy ngược pha, phải điều chỉnh hướng đi dòng điện chính xác.

50SA2.4/2.8A

50SFU2.4/2.8A

SA Bơm chìm nước thải rác Inox SUS-316				Ống Co Mặt Bích		Bộ Coupling		Giá Phao		Ghi chú 備 註
Model / 型 式	Qui Cách / 規 格	Giá 1 Pha 單相定價	Giá 3 Pha 三相定價	Model / 型式	Giá 定 價	Model / 型式	Giá 定 價	Phao 1 Pha 單相附浮球	Phao 3 Pha三相附浮球	
50SA2.4A	0.5HP*2”	**9.560**	**9.560**	ESF2-96J	bao gồm 內含	ST2-50	**7000**	**430**	X	
50SA2.8A	1HP*2”	**10.000**	**10.000**	ESF2-96K	bao gồm 內含	ST2-50	**7000**	**430**	X	
50SFU2.4A	0.5HP*2”	**9.560**	**9.560**	ESF2-96J	bao gồm 內含	ST2-50	**7000**	**430**	X	
50SFU2.8A	1HP*2”	**10.000**	**10.000**	ESF2-96K	bao gồm 內含	ST2-50	**7000**	**430**	X	

Ghi chú: Áp dụng kĩ thuật đúc inox tiên tiến, khuôn đúc tinh tế chính xác, cho chất lượng và thẩm mỹ cao, Kết cấu chống nước sử Ron Viton
說明:**採用先進的不銹鋼**脫臘鑄造法，模具精準度極高，兼具堅固性及美感， **防水結構採用**Viton**迫緊**

có tính chống ăn mòn của hóa chất, thích hợp sử dụng trong môi trường có nồng độ axit và Bazơ loãng
具有優好的耐藥性， 適用於弱酸鹼環境之廢液。

ST2-50~ST-80 Bộ Coupling sử dụng chất liệu SCS13
ST2-50~ST-80**著**脫標準材質SCS13

25JFP2.8 + J-1AP

32JNP21.5/22.2+ J-11/4BP

32JNP21.5/22.2+JT-11/4BP

JF Bơm sục khí chìm				Đầu sục khí		Đầu sục khí Coupling		Bộ giảm thanh		Ghi chú 備註
Model / 型 式	Qui Cách / 規 格	Giá 1 Pha 單相定價	Giá 3 Pha 三相定價	Model / 型式	Giá 定 價	Model / 型式	Giá 定 價	Model / 型式	Giá 定 價	
25JFP2.8	Ống 25mm 1HP*進氣1”	**5500**	**5500**	J-1AP	**2970**	JT-1AP	**7200**	JH-1"	X	**JF-21**
32JNP21.5	2HP*進氣1¼”	**X**	**8800**	J-1¼BP	**3630**	JT-1¼BP	**7980**	JH-1¼"	X	**JFN-32**
32JNP22.2	3HP*進氣1¼”	**X**	**9600**	J-1¼BP	**3630**	JT-1¼BP	**7980**	JH-1¼"	X	**JFN-33**
50JNP23.7	5HP*進氣 2”	**X**	**11700**	J-2CP	**7370**	JT-2CP	**17400**	JH-2"	X	

Đầu sục khí và Đầu sục khí coupling nhập khẩu Taiwan

QUEST滾珠浮球 phao viên bi						
型式 model	電線 cáp điện	長度 độ dài	定 價 giá		Qui cách / 規格說明	備註 ghi chú
			4-9個 cái	*10~30個 trên 10~30 cái		
QTH072C-3	H07RNF*2C	3M	**620**	**560**	2芯線，排水專用2 dây, thoát nước chuyên dụng	
QTH072C-5	H07RNF*2C	5M	**640**	**580**	2芯線，排水專用2 dây, thoát nước chuyên dụng	
QTH073C-3	H07RNF*3C	3M	**640**	**580**	3芯線，給排水兩用 3 dây, Thoát nước kép	
QTH073C-5	H07RNF*3C	5M	**660**	**600**	3芯線，給排水兩用 3 dây, Thoát nước kép	

說明:**機械式滾珠浮球設計，感應靈敏品質穩定。獨創旋緊式重錘，反覆使用方便。*10個為單一集合包裝**

ghi chú: thiết kế phao viên bi, chất lượng ổn định và cảm biến nhạy cảm. Siết chặt búa ban đầu, lặp lại nhiều lần càng dễ sử dụng hơn, 1 bao gồm 10 cái

電纜線使用歐規H07RN-F**規格橡膠電線，耐候性更佳。浮球電纜線基座**EPOXY**防水處理，達到完全防水之要求。**

cáp điện sử dụng dây cao su kỹ thuật theo quy cách của EU H07RN-F, chống chịu thời tiết tốt, đế cáp điện phao xử lý không thấm nước EPOXY, đạt mức toàn bộ không thấm nước

IC-32/43/45B

IC Bơm sử dụng chìm hoặc nổi **IC型 水陸兩用泵浦**				**Linh kiện ống ra / 上方出口組**				**Ghi chú** **備註**
IC Bơm sử dụng chìm hoặc nổi				Qui cách S		Qui cách tiêu chuẩn		
Model / 型 式	Qui Cách / 規 格	Giá 1 Pha 單相定價	Giá 3 Pha 三相定價	Mặt bích đôi 雙法蘭	Giá 定價	Mặt bích đôi 雙法蘭	Giá 定價	
IC-32B	2HP*3”	X	**12.740**	L2F3-125	**620**	L2F3-150	**1.340**	
IC-43B	3HP*3.5-	X	**13.250**	L2F4(3.5)-150	**780**	L2F4(3.5)-175	**1.400**	
IC-45B	5HP*3.5”	X	**15.500**	L2F4(3.5)-150	**780**	L2F4(3.5)-175	**1.400**	